

Số: 405/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 19 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên
địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-BTP ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 1194/BTTP-STP ngày 11 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Báo Gia Lai, Đài PT - TH Gia Lai;
- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành



ĐỀ ÁN

Phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phần I

CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở lý luận

Thực hiện chủ trương cải cách tư pháp, xã hội hóa một số nội dung của công tác tư pháp, Đảng ta đã ban hành nhiều văn kiện quan trọng. Ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, xác định “Nghiên cứu việc xã hội hóa một số hoạt động hỗ trợ tư pháp”. Đây là chủ trương lớn và quan trọng, phù hợp với kinh nghiệm lịch sử pháp luật của Việt Nam, phù hợp với xu hướng xã hội hóa một số hoạt động công tác hỗ trợ tư pháp của các nước tiên tiến trên thế giới và quan trọng hơn là đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của xã hội nước ta trong giai đoạn hội nhập và phát triển. Từ đó, chủ trương xã hội hóa một số hoạt động thi hành án dân sự tiếp tục được khẳng định trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, đó là: “Từng bước thực hiện việc xã hội hóa và quy định những hình thức, thủ tục để giao cho tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thực hiện một số công việc thi hành án dân sự”. Cụ thể: “nghiên cứu thực hiện và phát triển các loại hình dịch vụ từ phía Nhà nước để tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình... từng bước thực hiện việc xã hội hóa và quy định những hình thức, thủ tục để giao cho tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thực hiện một số công việc thi hành án”.

Chế định Thừa phát lại đã được thực hiện thí điểm đầu tiên tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 theo Nghị quyết số 24/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội về việc thi hành Luật Thi hành án dân sự và Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở kết quả sơ kết việc thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại tại Thành phố Hồ Chí Minh, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về việc tiếp tục thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại. Theo đó, chế định Thừa phát lại đã được tiếp tục thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh và 12 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ

chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26/11/2015, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 107/2015/QH13 về thực hiện chế định Thừa phát lại. Theo đó, Nghị quyết ghi nhận kết quả đạt được trong việc thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 24/2008/QH12 và Nghị quyết số 36/2012/QH13 của Quốc hội. Chấm dứt việc thí điểm và cho thực hiện chế định Thừa phát lại trong phạm vi cả nước kể từ ngày 01/01/2016.

Ngày 14/01/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 101/QĐ-TTg về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 107/2015/QH13. Ngày 01/6/2016, Bộ Tư pháp ban hành văn bản số 1786/BTP-BTTP triển khai Nghị quyết số 107/2015/QH13 về thực hiện chế định Thừa phát lại.

Ngày 08/01/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại, đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xây dựng Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại tại địa phương.

Ngày 09/04/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 783/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị định số 08/2020/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

Gia Lai là một tỉnh miền núi nằm ở phía bắc khu vực Tây Nguyên, phía bắc giáp tỉnh Kon Tum, phía nam giáp tỉnh Đắk Lắk, phía tây giáp Campuchia với 90km là đường biên giới quốc gia, phía đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên. Diện tích 15.510,98 Km², dân số năm 2018 khoảng 1.458.539 người. Trong đó: Tổng sản phẩm trong tỉnh (theo giá so sánh 2010) tăng 8,0% so với năm 2017 (nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng 5,73%, công nghiệp - xây dựng tăng 9,69%, dịch vụ tăng 8,64%, thuế sản phẩm tăng 10,0%). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp; trong đó nông lâm nghiệp - thủy sản chiếm 37,94%; công nghiệp - xây dựng chiếm 28,19%; dịch vụ chiếm 33,87%. GRDP bình quân đầu người đạt 45,36 triệu đồng. Về đơn vị hành chính, Gia Lai có 17 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó có thành phố Pleiku và 02 thị xã An Khê và Ayun Pa là các trung tâm hành chính, kinh tế - chính trị lớn của tỉnh.

Trong những năm qua, nền kinh tế tỉnh Gia Lai đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng và toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị. Tổng thu ngân sách nhà nước hằng năm ổn định. Nền kinh tế của tỉnh chủ yếu dựa vào các ngành công nghiệp thủy điện, chế biến nông, lâm sản và khai thác khoáng sản; về nông nghiệp có ưu thế về trồng cây công nghiệp lâu năm như cao su, cà phê, hồ tiêu.... Ngoài ra, địa bàn tỉnh còn có tiềm năng lớn trong việc phát triển du lịch bởi những nét đặc thù riêng của địa phương về địa lý, văn hóa, phong tục của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

2.2. Số lượng vụ việc thụ lý, giải quyết của các cơ quan Tòa án, Thi hành án dân sự

- Về số lượng vụ việc xử lý, giải quyết của các cơ quan Tòa án trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2019: Tổng số lượng đã thụ lý 15.310 vụ việc, tổng đạt 72.956 văn bản. Cụ thể: Năm 2018, đã thụ lý 7.448 vụ việc, tổng đạt 32.178 văn bản. Năm 2019, thụ lý 7.862 vụ việc, tăng 414 vụ việc, tổng đạt 40.778 văn bản, tăng 8.600 văn bản so với năm 2018. *(Kèm theo số liệu thống kê cụ thể trong Phụ lục I).*

- Về số lượng vụ việc xử lý, giải quyết của các cơ quan Thi hành án trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2019: Tổng số thi hành án 30.333 vụ việc, thông báo 57.654 văn bản. Cụ thể: Năm 2018, thi hành án 14.154 vụ việc, thông báo 27.175 văn bản. Năm 2019, thi hành án 16.179 vụ việc, tăng 2.025 vụ việc, thông báo 30.479 văn bản, tăng 3.304 văn bản so với năm 2018. *(Kèm theo số liệu thống kê cụ thể trong Phụ lục II).*

Theo số liệu thống kê trên, số lượng vụ việc xử lý, giải quyết của các cơ quan Tòa án và cơ quan Thi hành án dân sự tăng dần theo từng năm. Ngoài việc giải quyết nhiệm vụ chuyên môn, các cơ quan Tòa án và Thi hành án dân sự còn phải thực hiện việc tổng đạt các loại văn bản để thi hành các bản án, quyết định của Tòa án, xác minh điều kiện thi hành án dân sự... Điều này phần nào đã làm ảnh hưởng đến chất lượng thực hiện công tác chuyên môn. Vì vậy, phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh để giải quyết vấn đề trên là yêu cầu khách quan theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP. Mặt khác, đội ngũ Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên, Chấp hành viên ngày càng đòi hỏi tập trung chuyên môn hóa cao nên việc dần chuyển giao hoạt động tổng đạt văn bản tố tụng của cơ quan Tòa án và cơ quan Thi hành án dân sự cho Văn phòng Thừa phát lại là xu hướng tất yếu.

Hoạt động của Thừa phát lại là tổng đạt các loại văn bản, thi hành các bản án, quyết định của Tòa án, xác minh điều kiện thi hành án dân sự và lập vi bằng. Ngoài Thừa phát lại không có một hệ thống cơ quan nào giúp cá nhân, tổ chức xác lập chứng cứ theo yêu cầu với thủ tục đơn giản và linh hoạt về thời gian. Nội dung vi bằng thể hiện phong phú trên nhiều lĩnh vực như: Ghi nhận việc thực hiện các giao dịch, thỏa thuận; mô tả hiện trạng nhà; ghi nhận lời khai của người làm chứng; ghi nhận hành vi, thời điểm mua bán; việc bàn giao tiền, tài sản, giấy tờ... dùng để làm chứng cứ. Trong quan hệ dân sự, Vi bằng của Thừa phát lại là công cụ để người dân, doanh nghiệp tự bảo vệ mình trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện các giao dịch dân sự, cũng như xác lập các chứng cứ để bảo vệ mình trong quá trình hòa giải, thương lượng hoặc xét xử.

2.3. Mật độ dân cư, nhu cầu sử dụng các dịch vụ pháp lý của người dân trên địa bàn tỉnh

Theo số liệu thống kê năm 2019, mật độ dân số của cả tỉnh Gia Lai là 98,01 người/km². Dân số phân bố không đồng đều, mật độ dân số cao nhất tập trung chủ yếu tại thành phố Pleiku với 981,54 người/km² và mật độ dân số thấp nhất là tại huyện Kbang với 35,60 người/km² *(Kèm theo số liệu thống kê, cụ thể trong Phụ lục III).*

Mặt khác, về nhu cầu sử dụng các dịch vụ pháp của người dân và tổ chức trên địa bàn tỉnh tăng theo từng năm. Trong đó, thể hiện rõ thông qua việc các tổ chức hành nghề luật sư nhận yêu cầu cung cấp các dịch vụ pháp lý năm sau luôn

tăng hơn năm trước. Cụ thể: Năm 2018, các tổ chức hành nghề luật sư thực hiện, cung cấp dịch vụ pháp lý cho 434 trường hợp. Năm 2019, các tổ chức hành nghề luật sư thực hiện, cung cấp dịch vụ pháp lý cho 692 trường hợp, tăng 258 việc so với năm 2018, số liệu trên phản ánh đúng với nhu cầu và xu thế vận động của xã hội.

Từ những thực tiễn về điều kiện kinh tế - xã hội, số lượng vụ việc thụ lý, giải quyết của các cơ quan Tòa án và cơ quan Thi hành án dân sự, mật độ dân cư và nhu cầu sử dụng các dịch vụ pháp lý của người dân trên địa bàn tỉnh việc phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh là cần thiết. Quá trình xây dựng dự thảo Đề án, các cơ quan có liên quan trực tiếp đến việc triển khai Đề án như Tòa án tỉnh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã phối hợp và nhất trí cao trong việc phát triển Văn phòng Thừa phát lại tại địa phương.

Phần II

QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm xây dựng Đề án

- Bảo đảm đúng chủ trương, đường lối và nghị quyết của Đảng nói chung và pháp luật về thừa phát lại nói riêng. Đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp theo hướng xã hội hóa các lĩnh vực Bổ trợ tư pháp, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 49-NQ/TW của Đảng và Nghị quyết 107/2015/NQ-QH13 của Quốc hội và Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

- Phát triển Văn phòng Thừa phát lại tại địa phương đảm bảo về số lượng, chất lượng, theo hướng chuyên nghiệp hóa, đáp ứng nhu cầu dịch vụ pháp lý ngày càng cao của tổ chức, cá nhân; nâng cao vị trí, vai trò của tổ chức Thừa phát lại trong việc góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu của Đề án

2.1. Mục tiêu chung

- Phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế của phát triển kinh tế - xã hội, nhằm ổn định và phát triển bền vững.

- Việc phát triển Văn phòng Thừa phát lại phải đảm bảo việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác Thừa phát lại. Theo đó, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, cải cách hành chính, đẩy nhanh và từng bước xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực Bổ trợ tư pháp, nhằm giảm áp lực cho cơ quan Tòa án và Thi hành án dân sự tại địa phương.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Cụ thể hóa các tiêu chí quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

- Việc phát triển cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại phải tuân theo các tiêu chí của của Đề án này; Việc phân bố phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội; Văn phòng Thừa phát lại sau khi thành lập hoạt động hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn cấp huyện nơi đặt trụ sở.

Phần III

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Định hướng phát triển Văn phòng Thừa phát lại

Cho phép thành lập không quá 01 Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn huyện và không quá 02 Văn phòng Thừa phát lại tại thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Trong đó, việc phát triển Văn phòng Thừa phát lại tại địa phương căn cứ các tiêu chí quy định về điều kiện về kinh tế - xã hội của địa bàn cấp huyện nơi dự kiến thành lập Văn phòng Thừa phát lại. Số lượng vụ việc thụ lý của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự ở địa bàn cấp huyện nơi dự kiến thành lập Văn phòng Thừa phát lại. Mật độ dân cư và nhu cầu của người dân ở địa bàn cấp huyện nơi dự kiến thành lập Văn phòng Thừa phát lại.

Nhằm nâng cao vị trí, vai trò của Văn phòng Thừa phát lại trong việc góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

2. Tiêu chí phát triển Văn phòng Thừa phát lại

2.1. Cho thành lập Văn phòng Thừa phát lại tại tất cả các đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh dựa trên cơ sở xem xét khối lượng vụ việc của các cơ quan Tòa án, Thi hành án dân sự năm trước khi có văn bản đề nghị thành lập Văn phòng Thừa phát lại, đồng thời dựa vào mật độ dân cư của từng địa bàn cấp huyện để phát triển Văn phòng Thừa phát lại, theo tiêu chí sau đây:

- Mật độ dân số lớn hơn 98 người/km²;
- Tổng số vụ việc thụ lý của cơ quan Tòa án cấp huyện trên 250 vụ việc/năm;
- Tổng số việc thi hành án của cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện trên 400 việc.

2.2. Đối với đơn vị hành chính cấp huyện là thị xã, thành phố đã có 01 tổ chức Thừa phát lại nhưng có văn bản đề nghị thành lập thêm 01 Văn phòng Thừa phát lại thì phải đáp ứng điều kiện sau đây:

- Mật độ dân số lớn hơn 188 người/km²;
- Tổng số vụ việc thụ lý của cơ quan Tòa án cấp huyện trên 800 vụ việc/năm;
- Tổng số việc thi hành án của cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện trên 1200 việc/năm.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

- Căn cứ Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt, Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thông báo về việc thành lập Văn phòng Thừa phát lại tại địa phương.

2. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh

- Phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức triển khai thực hiện Đề án này và quy định tại Điều 68 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

- Thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại về chi phí tổng đặt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu trong hợp đồng dịch vụ tổng đặt theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP trên cơ sở khung mức chi phí quy định tại Khoản 2 Điều 62 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP, đồng thời gửi hợp đồng về Sở Tư pháp để theo dõi.

3. Trách nhiệm của Công an tỉnh, cơ quan Thuế

Công an tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu; Cơ quan Thuế có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế theo quy định pháp luật khi có đề nghị của Văn phòng Thừa phát lại, sau khi đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp.

4. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Gia Lai, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đưa tin, tuyên truyền sâu rộng các quy định về Thừa phát lại đến toàn thể người dân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

5. Nguồn kinh phí thực hiện

Được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn khác theo quy định của pháp luật, được bố trí trong chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị và địa phương. Các cơ quan, đơn vị phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Đề án này đúng quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án này nếu có khó khăn, vướng mắc yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để được xem xét, giải quyết./.